

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28/9/2023.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Hữu Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Huy

Bà Lữ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chính là Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị G, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Bản N, xã S, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: Anh Ngân Văn S, sinh năm 1988 ;

Nơi cư trú: Bản N, xã S, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lương Thị G trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị G tự nguyện kết hôn với anh Ngân Văn S vào năm 2010, có đăng ký hôn tại UBND xã S, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng hay bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Cuộc sống sống vợ chồng thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau ngày càng trầm trọng hơn. Gia đình hai bên, chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay xác định mâu thuẫn vợ chồng thực sự không còn. Vì vậy, chị G làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngân Văn S.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị G, anh S có 03 con chung, cháu thứ nhất tên Ngân Trọng K, sinh ngày 15/4/2011; cháu thứ hai Ngân Gia H, sinh ngày 12/6/2013 và cháu thứ ba là Ngân Trung H, sinh ngày 12/6/2013. Sau ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngân Trọng K và giao cháu Ngân Trọng H và Ngân Gia H cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị G đề nghị xin được cấp dưỡng nuôi 02 cháu H và H tiền cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng cho tới khi 02 cháu đến tuổi thành niên.

Về tài sản và công nợ: Chị G xin được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Ngân Văn S quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh S tự nguyện kết hôn với chị G vào năm 2010 tại UBND xã S, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Anh không đồng ý ly hôn với chị G vì anh đang còn tình cảm với chị G; mâu thuẫn của vợ chồng mới bắt đầu xảy ra vào năm 2021, vợ chồng có mâu thuẫn với nhau nhưng đã được Ủy ban nhân dân xã S tiến hành hòa giải và cả hai đã quay lại đoàn tụ với nhau; vào khoảng tháng 4 năm 2023, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nhỏ do anh S đi lao động, làm việc ở Bắc Ninh để kiếm thêm thu nhập trong gia đình, lý do mâu thuẫn là do chị G đi làm ở Quảng Ninh mà không thông báo cho anh, anh S có gọi điện liên hệ với chị G nhưng chị G không nghe máy. Mâu thuẫn của vợ chồng chưa tới mức trầm trọng dẫn tới việc ly hôn nên chị G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh S và chị G có 03 con chung, tên là Ngân Trọng K, sinh ngày 15/4/2011; Ngân Gia H, sinh ngày 12/6/2013 và Ngân Trung H, sinh ngày 12/6/2013. Trường hợp chị G cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngân Trung H và Ngân Gia H; giao cháu Ngân Trọng K cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh S yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi 02 cháu là cháu H và cháu H 3.000.000 đồng/tháng cho tới khi 02 cháu thành niên và có khả năng lao động; anh không cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu K.

Về tài sản và công nợ: Anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác minh thu thập tài liệu chứng cứ, công khai

chứng cứ, hòa giải và các thủ tục tố tụng khác đúng Điều 93 đến Điều 97, Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", Thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, tư cách tham gia tố tụng đúng Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng Điều 203, khoản 2 Điều 220, Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng các Điều 230, 240, 241, 242, 243, 240, 247, 240, 250, 251, 252, 255, 254, 255, 250, 257, 259, 260 và Điều 263 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh S trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Ngân Trọng K, sinh ngày 15/4/2011; Ngân Gia H, sinh ngày 12/6/2013 và Ngân Trung H, sinh ngày 12/6/2013. Ly hôn, giao cháu Ngân Trọng K cho chị Lương Thị G trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Ngân Gia H và Ngân Trung H cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị G cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu K 3.000.000 đồng/tháng cho tới khi 02 cháu thành niên và có khả năng lao động; anh S không cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu K.

Về tài sản và công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Ngân Văn S cư trú tại xã S, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đăng ký kết hôn có giấy chứng nhận kết hôn năm 2010. Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị G khởi

kiện ly hôn nên Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành xác minh tại địa phương và tại gia đình của hai vợ chồng chị G và anh S để xác định mâu thuẫn của vợ chồng anh, chị. Kết quả xác minh tại biên bản xác minh thể hiện tại gia đình anh S và chị G có mâu thuẫn gia đình như lời trình bày của chị G và anh S. Từ lúc hai vợ chồng có mâu thuẫn cho đến nay anh S không có biện pháp gì để hai vợ chồng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải lần hai để vợ chồng chị G và anh S quay lại đoàn tụ với nhau nhưng anh S vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và không tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ anh S không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình đã gây dựng.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn xảy ra từ nhiều năm trước đó, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, không chăm lo cuộc sống gia đình, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Giữa hai vợ chồng không tìm được cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự, đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn theo các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Về con chung: Chị G và anh S có 03 con chung tên Ngân Trọng K, sinh ngày 15/4/2011; Ngân Gia H, sinh ngày 12/6/2013 và Ngân Trung H, sinh ngày 12/6/2013. Ly hôn, hai bên thống nhất giao cháu Ngân Trọng K cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Ngân Trung H và Ngân Gia H cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng cháu Khanh muốn được ở với mẹ là chị G và nguyên vọng của hai cháu H và H muốn được ở với bố là anh S. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Ngân Trọng K cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Ngân Trung H và Ngân Gia H cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị G tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu H 3.000.000 đồng/tháng cho tới khi 02 cháu thành niên và có khả năng lao động; anh S không cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu K.

Sau khi ly hôn, chị G và anh S được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Lương Thị G khởi kiện về ly hôn nên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 228; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 6; điểm a Khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị G, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” .

- Về hôn nhân: Chị Lương Thị G được ly hôn anh Ngân Văn S.

- Về con chung: Giao cháu Ngân Trọng K cho chị Lương Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Ngân Trung H và Ngân Gia H cho anh Ngân Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Chị Lương Thị G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu H 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10/2023 cho tới khi 02 cháu đến tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, chị G và anh S được quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản, cản trở. Vì lợi ích của các con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và công nợ: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Lương Thị G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0006336 ngày 24 tháng 7 năm 2023

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị Lương Thị G còn phải nộp 300.000 đồng.

3. Nguyên đơn, có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. Quan Sơn;
- VKSND huyện Quan Sơn;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bàn Hữu Văn